

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Bà Hoàng Thị Thoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thuý – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:

Ông Dương Văn Năm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 432/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Cẩm N; giới tính: Nữ; sinh ngày 15/7/1984 tại tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; nơi ĐKKHKT: tổ dân phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Trần Hùng C, sinh năm 1982; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/01/2022 đến ngày 12/01/2022; hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; trú tại: thôn Đ, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2.Chị Trần Thị Sông H1, sinh năm 1977; trú tại: tổ dân phố M, phường Q, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3.Chị Trần Thị Sông H2, sinh năm 1985; trú tại: khu phố 6, phường **B**, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

4.Chị Trần Thị T2, sinh năm 1965; trú tại: khu phố 4, phường **B**, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

5.Chị Trần Thị Xuân H3, sinh năm 1958; trú tại: khu phố 4, phường **B**, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

6.Chị Ngô Thị Hoàng O, sinh năm 1989; trú tại: khu phố 6, phường **B**, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

7.Chị Trần Thị L, sinh năm 1976, trú tại: khu phố 1, phường **B**, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2018, Nguyễn Thị Cẩm N sinh năm 1984, trú tại Khu phố 3, phường **B**, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình đã cho nhiều tiểu thương buôn bán tại chợ **B** và người dân sinh sống tại thị xã **B**, huyện Q vay tiền với lãi suất cao. Nguyễn Thị Cẩm N cho vay tiền với hình thức tín chấp, người vay có thể trả lãi theo kỳ và trả gốc sau hoặc trả lãi trước và trả góp tiền gốc trong thời gian nhất định. Khi người vay có nhu cầu vay tiền thì N yêu cầu họ viết giấy vay tiền đưa cho N cất giữ, trường hợp người vay không trả tiền vay thì N yêu cầu họ viết giấy “sang quây”, bán lại cửa hàng đang buôn bán tại chợ **B** cho N.

Trong thời gian từ đầu năm 2018 đến năm 2020, Nguyễn Thị Cẩm N đã cho 07 người vay tiền với 34 gói vay, tổng số tiền của các gói vay là 1.362.000.000 đồng, mức lãi suất từ 110%/năm đến 146%/năm, cao gấp từ 5,5 lần đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình cho vay, Nguyễn Thị Cẩm N đã thu được tổng số tiền 1.482.818.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 1.322.000.000 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là 27.236.165 đồng và số tiền lãi Nguyễn Thị Cẩm N thu lợi bất chính là 133.581.781 đồng; Số tiền gốc người vay chưa trả cho N là 40.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1.1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967, trú tại thôn Đ, xã L, huyện Q đã vay tiền của Nguyễn Thị Cẩm N 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 4/2018, chị Tuyết vay số tiền 70.000.000 đồng, thời gian vay 90 ngày, tiền lãi 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với quy định của Bộ luật dân sự; tiền lãi N đã thu là 25.200.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là: $70.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} =$

3.452.055 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là: $25.200.000đ - 3.452.055đ = 21.747.945$ đồng. Chị Tuyết chưa trả tiền gốc gói vay này cho N.

- Lần 2: Tháng 7/2018, chị Tuyết vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, cộng với tiền gốc gói vay thứ nhất chị Tuyết chưa trả thành gói vay thứ hai là 90.000.000 đồng, thời gian vay 60 ngày, lãi tính $4.000đ/1.000.000đ/1$ ngày, tương ứng mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với quy định của Bộ luật dân sự; tiền lãi N đã thu là 21.600.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 2.958.904 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 18.641.096 đồng. Chị Tuyết đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

Quá trình vay tiền, chị Tuyết đã cầm cố cho N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM704767, do UBND huyện Quảng Trạch cấp năm 2013, mang tên Nguyễn Thị T1.

Tổng cộng, chị Nguyễn Thị T1 vay của Nguyễn Thị Cẩm N 02 gói vay với tổng số tiền là 160.000.000 đồng, tiền lãi N đã thu là 46.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 6.410.959 đồng, số tiền N thu lợi bất chính là **40.389.041** đồng.

1.2. Chị Trần Thị Sông H1, sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố M, phường Q, thị xã B vay tiền của Nguyễn Thị Cẩm N 03 lần, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 10/2019, chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, lãi tính $3.000đ/1.000.000đ/1$ ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự; tiền lãi N đã thu là 1.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 328.767 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.471.233 đồng. Chị H1 đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

- Lần 2: Tháng 12/2019, chị H1 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, lãi tính $3.000đ/1.000.000đ/1$ ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự; tiền lãi N đã thu là 1.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 328.767 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.471.233 đồng. Chị H1 đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

- Lần 3: Tháng 01/2020, chị H1 vay của số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 20 ngày, lãi tính $3.000đ/1.000.000đ/1$ ngày, tương đương mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự; tiền lãi N đã thu là 1.200.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 219.178 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 980.822 đồng. Chị H1 đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

Tổng cộng, chị Trần Thị Sông H1 vay của Nguyễn Thị Cẩm N 03 gói vay với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, tiền lãi N đã thu là 4.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 876.712 đồng, tiền thu lợi bất chính là **3.923.288** đồng.

1.3. Chị Trần Thị Sông H2, sinh năm 1985, trú tại khu phố 6, phường B, thị xã B từ tháng 10/2018 đến tháng 9/2019 đã vay của Nguyễn Thị Cẩm N 05 gói vay, cụ thể:

- Vay 04 gói, mỗi gói 30.000.000 đồng, thời gian vay mỗi gói là 30 ngày, lãi tính $3.000đ/1.000.000đ/1$ ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 so với quy định của Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi N đã thu là 10.800.000 đồng, trong đó

tiền lãi theo quy định (20%) là 1.972.604 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 8.827.396 đồng. Chị Hoa đã trả đủ tiền gốc 04 gói vay cho N.

- Tháng 10/2019, chị Hoa vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, lãi tính 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Chị Hoa đã trả lãi với số tiền là 4.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 821.918 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.678.082 đồng. Chị Hoa đã trả tiền gốc cho N 10.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

Khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị Cẩm N, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 Giấy bán quầy, thể hiện Trần Thị Sông H2 bán quầy kinh doanh áo quần trẻ em tại bãi trời công trên cho Nguyễn Thị Cẩm N với số tiền 40 triệu đồng, ngày lập 09/12/2019; 01 Hợp đồng thuê quầy, thể hiện Nguyễn Thị Cẩm N cho Trần Thị Sông H2 thuê quầy tại chợ **B**, với giá 01 triệu/tháng, thời hạn 1 năm, ngày lập 09/12/20219. Nguyễn Thị Cẩm N khai nhận quá trình vay tiền chị Hoa đã viết giấy bán quầy hàng tại chợ **B** để đảm bảo việc trả nợ nhưng N không lấy quầy hàng này mà chị Hoa vẫn sử dụng để buôn bán. Quá trình làm việc với Ban quản lý chợ **B** xác định: Quầy hàng của Trần Thị Sông H2 là địa điểm kinh doanh tạm, Ban quản lý chợ **B** không bố trí, không có giấy xác nhận quyền sử dụng. Địa điểm này đã được ban quản lý các công trình công cộng thị xã **B** giải tỏa năm 2021 để sửa chữa, nâng cấp chợ.

Tổng cộng, chị Trần Thị Sông H2 vay của Nguyễn Thị Cẩm N 05 gói vay với tổng số tiền là 170.000.000 đồng, tiền lãi N đã thu là 15.300.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 2.794.521 đồng, tiền thu lợi bất chính là **12.505.479** đồng.

1.4. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1965, trú tại khu phố 4, phường **B**, thị xã **B** vay tiền của Nguyễn Thị Cẩm N 01 lần: Tháng 7/2019, chị **T2** vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, lãi tính 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự; tiền lãi N đã thu là 2.700.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 493.151 đồng, tiền thu lợi bất chính là **2.206.849** đồng. Chị **T2** đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

Khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị Cẩm N, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 Giấy bán quầy thể hiện Trần Thị Kim **T2** bán quầy kinh doanh tạp hóa tại bãi trời cho Nguyễn Thị Cẩm N với giá 50 triệu, ngày lập 20/12/2019. Nguyễn Thị Cẩm N khai nhận quá trình vay tiền của N, chị **T2** đã viết giấy bán quầy cho N để đảm bảo việc trả nợ nhưng chị **T2** vẫn sử dụng quầy hàng này. Quá trình làm việc với Ban quản lý chợ **B** xác định: Đây là địa điểm kinh doanh tạm, không có giấy xác nhận quyền sử dụng. Việc mua bán quầy giữa bà **T2** với N, Ban quản lý chợ không biết và Ban quản lý chợ không cho phép việc mua bán các quầy hàng.

1.5. Chị Trần Thị Xuân H3, sinh năm 1958, trú tại khu phố 4, phường **B**, thị xã **B** đã vay tiền của Nguyễn Thị Cẩm N 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Trong năm 2018, chị H3 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày, lãi tính 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền lãi N đã thu là 4.800.000 đồng, trong

đó tiền lãi theo quy định (20%) là 876.712 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.923.288 đồng. Chị Hòa đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

- Lần 2: Trong năm 2019, chị H3 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời gian vay 40 ngày, lãi tính 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền lãi N đã thu là 4.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 876.712 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.923.288 đồng. Chị H3 đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

Tổng cộng, chị Trần Thị Xuân H3 đã vay của Nguyễn Thị Cẩm N 02 gói vay với tổng số tiền là 80.000.000 đồng; tiền lãi N đã thu là 9.600.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 1.753.425 đồng, tiền thu lợi bất chính là **7.846.575** đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm N: 01 Giấy bán quầy, thể hiện Trần Thị Xuân H3 bán quầy trong chợ, sau đình số 1 cho Nguyễn Thị Cẩm N với giá 350 triệu, ngày lập 20/7/2020; 01 Đơn xin xác nhận, thể hiện Trần Thị Xuân H3 xin Ban quản lý chợ **B** xác nhận về quầy hàng của bà Hòa, lập ngày 14/01/2020; Giấy giao nhận tiền, bản sao, thể hiện Trần Thị Xuân H3 giao tiền cho Trần Thị Kim **T2** mục đích bà **T2** nhượng quầy tại chợ **B** cho bà Hòa; 01 Hợp đồng thuê quầy, thể hiện Nguyễn Thị Cẩm N cho Trần Thị Xuân H3, thuê quầy sau đình số 1, thời gian thuê từ 20/7 đến 20/12/2020, đã trả tiền thuê 15 triệu, ngày lập 20/7/2020. Nguyễn Thị Cẩm N khai nhận quầy hàng của bà H3 là do N mua với số tiền 350 triệu đồng, N đã trả tiền mua quầy cho bà H3, không phải do bà H3 bán quầy cho N để trả nợ. Quá trình làm việc với Ban quản lý chợ **B** xác định: Quầy hàng sau đình số 1 bà Trần Thị Xuân H3 đang sử dụng để bán hàng. Việc mua bán quầy giữa bà Hòa với N Ban quản lý chợ không biết và Ban quản lý chợ không cho phép việc mua bán các quầy hàng.

1.6. Chị Ngô Thị Hoàng O, sinh năm 1989, trú tại khu phố 6, phường **B**, thị xã **B** trong năm 2019 đã vay tiền của Nguyễn Thị Cẩm N 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Chị O vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, lãi tính 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền lãi N đã thu là 4.500.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 821.918 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.678.082 đồng. Chị O đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

- Lần 2: Chị O vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, lãi tính 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Tiền lãi N đã thu là 2.700.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 493.151 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.206.849 đồng. Chị H đã trả đủ tiền gốc gói vay cho N.

Tổng cộng, chị Ngô Thị Hoàng O vay của Nguyễn Thị Cẩm N 02 gói vay với tổng số tiền là 80.000.000 đồng; tiền lãi N đã thu là 7.200.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 1.315.068 đồng, tiền thu lợi bất chính là **5.884.932** đồng.

1.7. Chị Trần Thị L, sinh năm 1976, trú tại khu phố 1, phường **B**, thị xã **B**: Trong thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2019, đã vay tiền của Nguyễn Thị

Cầm N 19 lần, các gói vay đều tính lãi 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng mức lãi suất 110%/năm, cao gấp 5,5 lần so với quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 02/3/2018, chị L vay số tiền 15.000.000 đồng, thời gian vay 28 ngày, tiền lãi N đã thu là 1.260.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 230.137 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.029.863 đồng.

- Lần 2: Ngày 30/3/2018, chị L vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi N đã thu là 2.700.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 493.151 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.206.849 đồng.

- Lần 3: Ngày 20/4/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi N đã thu là 4.050.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 739.726 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.310.274 đồng.

- Lần 4: Ngày 20/5/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 35 ngày, tiền lãi N đã thu là 4.725.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 863.014 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.861.986 đồng.

- Lần 5: Ngày 25/6/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 45 ngày, tiền lãi N đã thu là 6.075.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 1.109.589 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.965.411 đồng.

- Lần 6: Ngày 10/8/2018, chị L vay số tiền 21.000.000 đồng, thời gian vay 15 ngày, tiền lãi N đã thu là 945.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 172.603 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 772.397 đồng.

- Lần 7: Ngày 25/8/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 13 ngày, tiền lãi N đã thu là 1.755.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 320.548 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 1.434.452 đồng.

- Lần 8: Ngày 08/9/2018, chị L vay số tiền 21.000.000 đồng, thời gian vay 16 ngày, tiền lãi N đã thu là 1.008.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 184.110 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 823.890 đồng.

- Lần 9: Ngày 24/9/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 52 ngày, tiền lãi N đã thu là 7.020.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 1.282.192 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 5.737.808 đồng.

- Lần 10: Ngày 16/11/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 31 ngày, tiền lãi N đã thu là 4.185.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 764.384 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.420.616 đồng.

- Lần 11: Ngày 17/12/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 06 ngày, tiền lãi N đã thu là 810.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 147.945 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 662.055 đồng.

- Lần 12: Ngày 23/12/2018, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 04 ngày, tiền lãi N đã thu là 540.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 98.630 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 441.370 đồng.

- Lần 13: Ngày 27/12/2018, chị L vay số tiền 80.000.000 đồng, thời gian vay 70 ngày, tiền lãi N đã thu là 16.800.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 3.068.493 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 13.731.507 đồng.

- Lần 14: Ngày 07/02/2019, chị L vay số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi N đã thu là 2.700.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 493.151 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.206.849 đồng.

- Lần 15: Ngày 07/3/2019, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 23 ngày, tiền lãi N đã thu là 3.105.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 567.123 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 2.537.877 đồng.

- Lần 16: Ngày 30/3/2019, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 28 ngày, tiền lãi N đã thu là 3.780.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 690.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.089.589 đồng.

- Lần 17: Ngày 28/4/2019, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 28 ngày, tiền lãi N đã thu là 3.780.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 690.411 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.089.589 đồng.

- Lần 18: Ngày 26/5/2019, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 38 ngày, tiền lãi N đã thu là 5.130.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 936.986 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 4.193.014 đồng.

- Lần 19: Ngày 04/7/2019, chị L vay số tiền 45.000.000 đồng, thời gian vay 30 ngày, tiền lãi N đã thu là 4.050.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 739.726 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 3.310.274 đồng.

Tổng cộng, chị Trần Thị L đã vay của Nguyễn Thị Cẩm N 19 gói vay với tổng số tiền là 782.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi N đã thu là 74.418.000 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định (20%) là 13.592.329 đồng và số tiền Nguyễn Thị Cẩm N thu lợi bất chính là **60.825.671** đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 Giấy bán quầy, thể hiện Trần Thị L bán quầy hàng tại bãi trời cho Nguyễn Thị Cẩm N với giá 80 triệu, ngày lập 29/01/2019; 01 Giấy cam kết (bản sao) lập ngày 02/01/2020, thể hiện Nguyễn Thị Cẩm N cho Trần Thị L mượn 130 triệu, với điều kiện chị L được ngồi bán trong 2 năm, không thuê quầy, nếu sau 2 năm trả lại tiền thì san quầy cho chị L, nếu không trả tiền thì dọn ra khỏi quầy; 01 Giấy mượn tiền thể hiện Nguyễn Thị Cẩm N cho Trần Thị L mượn 245 triệu, thời hạn 2 năm từ 14/7/2018 đến 14/7/2020, ngày lập 14/7/2018. Nguyễn Thị Cẩm N khai nhận quầy hàng của bà L là N mua với số tiền 80 triệu đồng, N đã trả tiền mua quầy cho bà Lan, không phải do bà Lan bán quầy cho N để trả nợ gói vay. Quá trình làm việc với Ban quản lý chợ B xác định: Quầy hàng này là quầy tạm, không có giấy xác nhận quyền sử dụng. Hiện quầy hàng này bà L vẫn đang sử dụng bán hàng. Việc mua bán quầy giữa bà L với N Ban quản lý chợ không biết và Ban quản lý chợ không cho phép việc mua bán các quầy hàng.

Về vật chứng của vụ án:

* Cơ quan điều tra đã tạm giữ tại bị can Nguyễn Thị Cẩm N các tài liệu gồm:

- 01 tờ giấy ghi “Giấy xác nhận địa điểm kinh doanh” tên Nguyễn Thị Cẩm N, đề ngày 30/8/2020, đánh số 1.

- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, ghi ngày 20/7/2020, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị Xuân H3, đánh số 2.

- 01 tờ giấy phô tô “Giấy cam kết”, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị L, ghi ngày 02/01/2020, đánh số 3, 4.

- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Lưu Nữ Đài Trang, ghi ngày 05/12/2021, đánh số 5.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy mượn tiền”, tên Trần Thị L, ghi ngày 14/7/2018, đánh số 6.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, ghi tên Trần Thị L, đề ngày 29/01/2019, đánh số 7.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy” tên Trần Thị Sông H2, ghi ngày 09/12/2019, đánh số 8.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, tên Trần Thị Xuân H3, ghi ngày 20/7/2020 “Âm lịch”, đánh số 9.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, ghi tên Trần Thị Kim T2, ghi ngày 20/12/2019, đánh số 10.

- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị Sông H2, ghi ngày 09/12/2021, đánh số 11.

- 01 tờ giấy in “Đơn xin xác nhận”, tên Trần Thị Xuân H3, đề 14/01/2020, được đánh số 12.

- 01 tờ giấy phô tô “Giấy giao nhận tiền”, tên Trần Thị Kim T2, ngày 28/01/2016, đánh số 13.

- 01 tờ giấy phô tô “Giấy mượn tiền”, tên Trần Thị L, ghi ngày 14/7/2018, đánh số 6, đánh số 14.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM704767, do UBND huyện Quảng Trạch cấp năm 2013, mang tên Nguyễn Thị T1.

- Ngày 06/5/2022, Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính 20.000.000 đồng.

* *Tạm giữ tại bà Nguyễn Thị L các tài liệu gồm:* 01 tờ giấy có ghi tên người và các con số tự nhiên có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị L; 01 tờ lịch, mặt sau có ghi các số tự nhiên có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị L; 02 quyển sổ bìa màu đen; 01 quyển sổ, không có bìa.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T1: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM704767, do UBND huyện Quảng Trạch cấp năm 2013, mang tên Nguyễn Thị T1.

- Trả lại các tài liệu đã tạm giữ cho bà Nguyễn Thị L gồm: 01 tờ giấy có ghi tên người và các con số tự nhiên; 01 tờ lịch, mặt sau có ghi các số tự nhiên; 02 quyển sổ bìa màu đen; 01 quyển sổ, không có bìa.

Bản Cáo trạng số 57/CT -VKS-P3 ngày 01/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 9 -12 tháng tù cho hưởng án treo. Đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm được tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay. Các vật chứng do cơ quan điều tra thu giữ tại nơi ở của bị cáo, là tài liệu liên quan đến việc cho vay tiền, được chuyển theo hồ sơ vụ án (là bút lục trong hồ sơ) do đó tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1 Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N khai nhận:

Đầu năm 2018 đến năm 2020, Nguyễn Thị Cẩm N đã cho nhiều tiểu thương buôn bán tại chợ **B** và người dân sinh sống tại thị xã **B**, huyện **Q** vay tiền với lãi suất cao. Bị cáo cho vay tiền với hình thức tín chấp, người vay có thể trả lãi theo kỳ và trả gốc sau hoặc trả lãi trước, trả góp tiền gốc trong thời gian nhất định. Khi người vay có nhu cầu vay tiền thì **N** yêu cầu họ viết giấy vay tiền đưa cho **N** cất giữ, trường hợp người vay không trả tiền vay thì **N** yêu cầu họ viết giấy “sang quây”, bán lại cửa hàng đang buôn bán tại chợ **B** cho **N**.

Trong khoảng thời gian nói trên, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N đã cho 07 người vay tiền với 34 gói vay, tổng số tiền của các gói vay là 1.362.000.000 đồng, mức lãi suất từ 110%/năm đến 146%/năm, cao gấp từ 5,5 lần đến 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền bị cáo thực hiện giao dịch cho vay là 1.482.818.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.322.000.000 đồng, tiền lãi được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%) là 27.236.165 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 133.581.781 đồng, tiền gốc người vay chưa trả cho bị cáo là 40.000.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa đúng với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều

tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, phù hợp với lời khai của những người vay tiền tại bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N đã có hành vi cho người khác vay tiền để thu lãi với mức lãi suất từ 110%/năm đến 146%/năm, cao gấp từ 5,5 lần đến 7,3 lần so với mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đúng như tội danh mà Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố.

Với tổng số tiền thu lợi bất chính là 133.581.835 đồng thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào quy định của Nhà nước trong lĩnh vực cho vay, xâm phạm vào trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn, nên cần phải xử phạt mức án nghiêm minh để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo N tự nguyện nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả, được Công an phường B, Ủy ban MTTQ Việt Nam phường B, Hội chữ thập đỏ phường B xác nhận có nhiều đóng góp, có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Tư được tặng thưởng Huân **chương** kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba và có nhiều bằng khen, kỷ niệm **chương** khác nên áp dụng thêm cho các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hiện còn phải nuôi con nhỏ nên chưa phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo được cải tạo tại địa **phương** dưới sự giám sát của chính quyền địa **phương** cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Các biện pháp tư pháp khác:

Tịch thu, trả lại tài sản liên quan đến tội phạm:

Đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu được tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên được trả lại cho người vay.

Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng sau:

- 01 tờ giấy ghi “Giấy xác nhận địa điểm kinh doanh” tên Nguyễn Thị Cẩm N, đề ngày 30/8/2020, đánh số 1.

-01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, ghi ngày 20/7/2020, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị Xuân H3, đánh số 2.

- 01 tờ giấy phô tô “Giấy cam kết”, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị L, ghi ngày 02/01/2020, đánh số 3, 4.

- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Lưu Nữ Đài Trang, ghi ngày 05/12/2021, đánh số 5.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy mượn tiền”, tên Trần Thị L, ghi ngày 14/7/2018, đánh số 6.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, ghi tên Trần Thị L, đề ngày 29/01/2019, đánh số 7.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy” tên Trần Thị Sông H2, ghi ngày 09/12/2019, đánh số 8.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, tên Trần Thị Xuân H3, ghi ngày 20/7/2020 “Âm lịch”, đánh số 9.

- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, ghi tên Trần Thị Kim T2, ghi ngày 20/12/2019, đánh số 10.

- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị Sông H2, ghi ngày 09/12/20219, đánh số 11.

- 01 tờ giấy in “Đơn xin xác nhận”, tên Trần Thị Xuân H3, đề 14/01/2020, được đánh số 12.

- 01 tờ giấy phô tô “Giấy giao nhận tiền”, tên Trần Thị Kim T2, ngày 28/01/2016, đánh số 13.

- 01 tờ giấy phô tô “Giấy mượn tiền”, tên Trần Thị L, ghi ngày 14/7/2018, đánh số 6, đánh số 14.

Các vật chứng trên do cơ quan điều tra thu giữ tại nơi ở của bị cáo, là tài liệu liên quan đến việc cho vay tiền, được chuyển theo hồ sơ vụ án (là bút lục trong hồ sơ) do đó tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo tự nguyện nộp để khấu trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho người vay tiền.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N cho Ủy ban nhân dân phường **B**, thị xã **B**, tỉnh Quảng Bình giám sát trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

*Tích thu toàn bộ số tiền cho vay (tiền gốc) tại người cho vay và người vay để sung vào công quỹ Nhà nước, trong đó:

+Tích thu tại bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N: 1.322.000.000 đồng

+Tích thu tại chị Trần Thị Sông H2 số tiền vay (tiền gốc): 40.000.000 đồng

*Tích thu tại bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N 27.236.165 đồng (số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phải trả lại 133.581.835 đồng tiền thu lợi bất chính (số tiền lãi suất cho vay vượt quá 20%/năm) cho người vay tiền (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án), cụ thể:

Chị Nguyễn Thị T1 40.389.041 đồng; chị Trần Thị Sông H1 3.923.288 đồng; chị Trần Thị Sông H2 12.505.479 đồng; chị Trần Thị T2 2.206.849 đồng; chị Trần Thị Xuân H3 7.846.575 đồng; chị Ngô Thị Hoàng O 5.884.932 đồng; chị Trần Thị L 60.825.671 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Theo ủy nhiệm chi ngày 12/7/2022) để khấu trừ vào số tiền mà bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho người vay tiền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Xử lý vật chứng:

Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án các vật chứng sau:

- 01 tờ giấy ghi “Giấy xác nhận địa điểm kinh doanh” tên Nguyễn Thị Cẩm N, đề ngày 30/8/2020, đánh số 1.
- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, ghi ngày 20/7/2020, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị Xuân H3, đánh số 2.
- 01 tờ giấy phô tô “Giấy cam kết”, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị L, ghi ngày 02/01/2020, đánh số 3, 4.
- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, ghi tên Nguyễn Thị Cẩm N, Lưu Nữ Đài Trang, ghi ngày 05/12/2021, đánh số 5.
- 01 tờ giấy ghi “Giấy mượn tiền”, tên Trần Thị L, ghi ngày 14/7/2018, đánh số 6.
- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, ghi tên Trần Thị L, đề ngày 29/01/2019, đánh số 7.
- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy” tên Trần Thị Sông H2, ghi ngày 09/12/2019, đánh số 8.
- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, tên Trần Thị Xuân H3, ghi ngày 20/7/2020 “Âm lịch”, đánh số 9.
- 01 tờ giấy ghi “Giấy bán quầy”, ghi tên Trần Thị Kim T2, ghi ngày 20/12/2019, đánh số 10.
- 01 tờ giấy ghi “Hợp đồng thuê quầy”, tên Nguyễn Thị Cẩm N, Trần Thị Sông H2, ghi ngày 09/12/2021, đánh số 11.
- 01 tờ giấy in “Đơn xin xác nhận”, tên Trần Thị Xuân H3, đề 14/01/2020, được đánh số 12.
- 01 tờ giấy phô tô “Giấy giao nhận tiền”, tên Trần Thị Kim T2, ngày 28/01/2016, đánh số 13.
- 01 tờ giấy phô tô “Giấy mượn tiền”, tên Trần Thị L, ghi ngày 14/7/2018, đánh số 6, đánh số 14.

5. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 5.679.091 đồng

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- PV27 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường **B**;
- Bị cáo **N**;
- Người có QL&NV liên quan trong vụ án;
- Lưu: AV; Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Bá Lưu

